

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST.

Ngày: 08/05/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và Ông A BRúk

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST - HS ngày 04/03/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 đối với:

1. Các bị cáo

- A Th (tên gọi khác: L), sinh năm 1999 tại K; Nơi cư trú: Thôn o, xã Đoàn K, Thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: JRai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A Ng và bà Y BunTh; Tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân:

Ngày 15/4/2016, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đoàn K, thành phố K, bị Công an xã Đoàn K xử phạt hành chính 750.000 đồng (đã nộp phạt).

Ngày 15/8/2016, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đoàn Kết, thành phố K, bị Công an xã Đ xử phạt hành chính 750.000 đồng (đã nộp phạt).

Bản án số 77/2017/HS-ST, ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ về hành trộm cắp tài sản. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2019 đến nay. Có mặt.

-A H (tên gọi khác: A Q), sinh năm 2000 tại K. Nơi cư trú: Thôn Kon Rờ

B, xã Vinh Q, Thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A H (đã chết) và bà Y H. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại.**

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn h, xã Đoàn K, thành phố K, tỉnh K. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 17/9/2019 A Th đi từ nhà tại thôn h xã Đoàn K, thành phố K, tỉnh K xuống thôn 6, xã Đoàn K, thành phố K với mục đích tìm nhà nào sơ hở sẽ vào trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà ông Nguyễn Văn S thì phát hiện ở bên hông nhà ông Nguyễn Văn S có 01 xe mô tô BKS 82K8-1433, nhãn hiệu FUSIN, màu đen có sẵn chìa khóa trên xe và không có người trông coi nên A Th đã lén lút vào lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó A Th đã điều khiển xe mô tô trên đến nhà A R, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn Kon Rờ B, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K, A Th hỏi A R có ai mua xe mô tô không để bán thì A R trả lời không có ai mua nên A Th tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến nhà A H, tại đây A Th hỏi A H có ai mua xe mô tô không để bán thì A H hỏi xe mô tô của ai thì A Th nói xe mô tô vừa mới trộm cắp được bên tỉnh Gia L. A H nói để xe mô tô lại nhà A H nếu ai mua thì sẽ bán giúp, A Th đồng ý để xe lại nhà A H rồi đi về nhà, đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 18/9/2019 bị Cơ quan Công an thành phố K phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/ĐG-TS ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND thành phố K kết luận giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu đen, không biển kiểm soát là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu chiếc xe mô tô là anh Nguyễn Văn S nên đã trả lại cho anh S. Anh S không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 38/CT- VKSTPKT ngày 03/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo A Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo A H về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A Th từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm h,i,s khoản 1 điều 51; Điều 36; khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, cộng đồng, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo A Th và A H thừa nhận: Vào khoảng 04 giờ 00 ngày 17/9/2019, bị cáo A Thiên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô BKS 82K8-1433, nhãn hiệu FUSIN, màu đen có giá trị 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) của ông Nguyễn Văn S. Đối với bị cáo A H không hứa hẹn trước nhưng khi bị cáo A Th hỏi bán xe vừa trộm cắp được thì bị cáo không mua mà đồng ý cho A Th để xe tại nhà mình với mục đích ai mua sẽ bán giúp. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản mà biết rõ do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy hành vi trên của bị cáo A Th có đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo A H có đủ yếu tố cấu thành tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 38/CT-VKSTPKT ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K truy tố các bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện, với mục đích chiếm đoạt tài sản bán tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại gì, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo A H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo A Th có nhân thân xấu, năm 2016 bị Công an xã Đoàn K, thành phố K xử phạt hành chính 02 (hai) lần về hành vi trộm cắp tài sản; năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 07 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không tích cực tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu bản thân để trở thành người tốt mà tiếp tục phạm tội mới. Bị cáo A H trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo A Th với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Xử phạt bị cáo A H hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo nhận thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo tại địa phương trở thành người công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A Th (tên gọi khác: A L) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo A H (tên gọi khác: Q) phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A Th (tên gọi khác: AL) **09**(Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2019.

Căn cứ điểm h, s,i khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A H (tên gọi khác: Q) **12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Vinh Q và bị cáo nhận được bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo A H cho Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời cải tạo tại địa phương.

3. Các vấn đề khác:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo A Th và bị cáo A H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- UBND xã Vinh Quang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Thu

